Phụ lục 1

YÊU CẦU TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN TƯƠNG ỨNG VỚI VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Kèm theo Thông báo số 8887/TB-SGDĐT ngày 12/11/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Vị trí cần tuyển	Chức danh nghề nghiệp	Mã số CDNN	Trình độ yêu cầu			Ghi chú
				Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
1	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng sư phạm trở lên	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
2	Giáo viên (Môn chung, Giáo dục thể chất)	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	Bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên tiểu học	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
3	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cao đẳng sư phạm Tiếng Anh hoặc cao đẳng trở lên phù hợp với bộ môn giảng dạy và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học		Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
4	Giáo viên môn Tin học	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cao đẳng sư phạm Tin học hoặc cao đẳng trở lên phù hợp với bộ môn giảng dạy và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
5	Giáo viên dạy môn nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) và Công nghệ	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học đặc thù hoặc cao đẳng trở lên phù hợp với bộ môn giảng dạy và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
6	Giáo viên trung học cơ sở	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Cử nhân sư phạm hoặc cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
7	Giáo viên khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Cử nhân sư phạm khoa học tự nhiên	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
8	GV dạy môn Lịch Sử và Địa lí	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Cử nhân sư phạm môn Lịch sử và Địa lí	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
9	Giáo viên dạy môn nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Cao đẳng sư phạm Âm nhạc/Mỹ thuật hoặc cao đẳng trở lên phù hợp với bộ môn giảng dạy và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên THCS	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
10	Giáo viên trung học phổ thông	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Cử nhân sư phạm hoặc cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	

TT	Vị trí cần tuyển	Chức danh nghề nghiệp	Mã số CDNN	Trình độ yêu cầu			Ghi chú
				Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
11	Giáo viên giáo dục thường xuyên	Giáo viên giáo dục thường xuyên hạng III	V.07.05.18	Cử nhân sư phạm hoặc cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
12	Quản trị công sở	Chuyên viên về quản trị công sở	01.003	Đại học trở lên ngành đào tạo về CNTT hoặc các ngành gần đào tạo về CNTT	Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
13	Thiết bị, thí nghiệm	Thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Cao đẳng trở lên với ngành công nghệ thiết bị trường học hoặc có bằng cao đẳng chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học		Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
14	Giáo vụ	Giáo vụ	V.07.07.21	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm giáo vụ		Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
15	Thư viện viên hạng IV	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp		Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
16	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin; hoặc chuyên ngành khác và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư			
17	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp	V.06.032	Cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính		Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	
18	Y sĩ	Y sĩ	V.08.03.07	Cao đẳng Y sĩ trở lên			
19	Tư vấn học sinh	Viên chức tư vấn học sinh hạng III	V.07.07.24	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành đào tạo thuộc nhóm ngành hoặc ngành sau: Tâm lý học; Công tác xã hội; Xã hội học; Đào tạo giáo viên phù hợp với cấp học			
20	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	V.07.06.16	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên một trong các ngành, nghề thuộc lĩnh vực, nhóm ngành, nghề: Đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Công tác xã hội, Sức khỏe			